

CHÍNH PHỦ

CHÍNH PHỦ

Số: 55/2005/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 25 tháng 4 năm 2005

NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ

Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thanh tra Chính phủ

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Thanh tra ngày 15 tháng 6 năm 2004;

Căn cứ Luật Khiếu nại, tố cáo ngày 25 tháng 11 năm 1998 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khiếu nại, tố cáo ngày 15 tháng 6 năm 2004;

Căn cứ Pháp lệnh Chống tham nhũng ngày 26 tháng 02 năm 1998 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Chống tham nhũng ngày 12 tháng 5 năm 2000;

Căn cứ Nghị định số 86/2002/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Xét đề nghị của Tổng Thanh tra và Bộ trưởng Bộ Nội vụ,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. Vị trí và chức năng

Thanh tra Chính phủ là cơ quan ngang Bộ của Chính phủ, có chức năng quản lý nhà nước về công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo; thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng ngừa, chống tham nhũng theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

Thanh tra Chính phủ có trách nhiệm

thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Nghị định số 86/2002/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ và những nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể sau đây:

1. Trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ các dự án luật, pháp lệnh và dự thảo văn bản quy phạm pháp luật khác về thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng ngừa, chống tham nhũng.

2. Trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chiến lược, chương trình, kế hoạch dài hạn, năm năm và hàng năm về thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng ngừa, chống tham nhũng.

3. Ban hành các quyết định, chỉ thị, thông tư về thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng ngừa, chống tham nhũng.

4. Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, chương trình, kế hoạch sau khi được phê duyệt về thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng ngừa, chống tham nhũng thuộc phạm vi quản lý; thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng ngừa, chống tham nhũng.

5. Về thanh tra:

a) Chỉ đạo công tác thanh tra trong phạm vi quản lý nhà nước của Chính phủ.

b) Hướng dẫn các Bộ, cơ quan ngang Bộ (sau đây gọi tắt là Bộ), cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch thanh tra của Bộ, ngành, địa phương.

c) Thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ của các Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Thanh tra vụ việc có liên quan đến trách nhiệm quản lý nhà nước của nhiều Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, của nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

d) Thanh tra vụ việc khác do Thủ tướng Chính phủ giao.

đ) Đề nghị Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ (sau đây gọi tắt là Bộ trưởng), Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) thanh tra những vụ việc thuộc phạm vi quản lý của Bộ, ngành, địa phương.

e) Kiến nghị Bộ trưởng đình chỉ việc thi hành hoặc hủy bỏ những quy định do Bộ đã ban hành trái với các văn bản pháp luật của Nhà nước, của Tổng Thanh tra về công tác thanh tra; nếu Bộ trưởng không đình chỉ hoặc hủy bỏ văn bản đó

thì trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

f) Đình chỉ việc thi hành và đề nghị Thủ tướng Chính phủ bãi bỏ những quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trái với văn bản pháp luật của Nhà nước, của Tổng Thanh tra về công tác thanh tra.

g) Kiến nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét trách nhiệm, xử lý người có hành vi vi phạm pháp luật thuộc quyền quản lý của Thủ tướng Chính phủ; phối hợp với người đứng đầu cơ quan, tổ chức trong việc xem xét trách nhiệm, xử lý người có hành vi vi phạm pháp luật thuộc quyền quản lý của cơ quan, tổ chức đó.

h) Xem xét những vấn đề mà Chánh Thanh tra Bộ không nhất trí với Bộ trưởng, Chánh Thanh tra tỉnh không nhất trí với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về công tác thanh tra và đề nghị Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét lại; trường hợp Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh không xem xét hoặc đã xem xét nhưng Tổng Thanh tra không nhất trí thì báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định.

i) Chủ trì giải quyết việc trùng lặp về thời gian, nội dung thanh tra, kiểm tra của các đoàn thanh tra, kiểm tra do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập.

6. Về giải quyết khiếu nại, tố cáo:

a) Tổ chức việc tiếp dân; tiếp nhận, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền.

b) Giải quyết khiếu nại mà Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ đã giải quyết nhưng còn có khiếu nại. Quyết định này là quyết định giải quyết khiếu nại cuối cùng.

c) Kiến nghị Bộ trưởng hoặc yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét lại quyết định giải quyết khiếu nại cuối cùng có vi phạm pháp luật, gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức.

d) Giúp Thủ tướng Chính phủ theo dõi, đôn đốc các Bộ giải quyết khiếu nại có liên quan đến nhiều địa phương, nhiều lĩnh vực quản lý nhà nước.

đ) Xác minh, kết luận nội dung tố cáo, kiến nghị biện pháp xử lý tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết của Thủ tướng Chính phủ khi được giao.

e) Xem xét, kết luận nội dung tố cáo mà Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã giải quyết nhưng có vi phạm pháp luật; trong trường hợp kết luận việc giải quyết tố cáo có vi phạm pháp luật thì kiến nghị người đã giải quyết xem xét, giải quyết lại.

7. Về phòng ngừa, chống tham nhũng:

a) Phối hợp với các cơ quan, tổ chức trong việc phát hiện hành vi tham nhũng; xử lý người có hành vi tham nhũng theo quy định của pháp luật.

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và các cơ quan hữu quan giúp Thủ tướng Chính phủ hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các cấp, các ngành trong việc phòng ngừa, phát hiện hành vi tham nhũng và xử lý người có hành vi tham nhũng.

8. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng ngừa, chống tham nhũng được áp dụng các quyền hạn khác của Thanh tra Chính phủ theo quy định của pháp luật; được yêu cầu các cơ quan, đơn vị có liên quan cử cán bộ, công chức tham gia đoàn thanh tra.

9. Tổng hợp, báo cáo kết quả về công tác thanh tra, khiếu nại, tố cáo và phòng ngừa, chống tham nhũng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Chính phủ; tổng kết kinh nghiệm về công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng ngừa, chống tham nhũng.

10. Thực hiện hợp tác quốc tế về công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng ngừa, chống tham nhũng.

11. Tổ chức, chỉ đạo thực hiện kế hoạch nghiên cứu khoa học, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong lĩnh vực thanh

tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng ngừa, chống tham nhũng.

12. Quyết định và chỉ đạo thực hiện chương trình cải cách hành chính theo mục tiêu và nội dung chương trình cải cách hành chính nhà nước đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

13. Chỉ đạo, hướng dẫn về tổ chức, bồi dưỡng về nghiệp vụ thanh tra đối với đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác thanh tra.

Thống nhất với Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Chánh Thanh tra Bộ, Chánh Thanh tra cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh Thanh tra tỉnh; thực hiện việc quản lý, bổ nhiệm các ngạch thanh tra viên theo quy định của pháp luật.

14. Quản lý về tổ chức, bộ máy, biên chế; tổ chức thực hiện chế độ tiền lương và các chế độ, chính sách đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc Thanh tra Chính phủ.

15. Quản lý và chỉ đạo hoạt động đối với các tổ chức sự nghiệp trực thuộc theo quy định của pháp luật.

16. Quản lý tài chính, tài sản được giao và tổ chức thực hiện ngân sách được phân bổ theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

a) Các tổ chức giúp Tổng Thanh tra thực hiện chức năng quản lý nhà nước:

1. Vụ Thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo khối kinh tế ngành (gọi tắt là Vụ I).

2. Vụ Thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo khối kinh tế tổng hợp (gọi tắt là Vụ II).

3. Vụ Thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo khối nội chính - văn xã (gọi tắt là Vụ III).

4. Vụ Thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo khu vực 1 (gọi tắt Vụ IV).

5. Vụ Thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo khu vực 2 (gọi tắt Vụ V).

6. Vụ Tiếp dân và Xử lý đơn thư (gọi tắt là Vụ VI).

7. Vụ Pháp chế.

8. Vụ Tổ chức cán bộ.

9. Vụ Hợp tác quốc tế.

10. Văn phòng.

Vụ VI và Văn phòng được lập các phòng do Tổng Thanh tra quyết định; có đại diện tại thành phố Hồ Chí Minh và có con dấu riêng.

b) Các tổ chức sự nghiệp:

1. Viện Khoa học thanh tra.

2. Trường Cán bộ thanh tra.

3. Báo Thanh tra.

4. Tạp chí Thanh tra.

5. Trung tâm Tin học.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo; bãi bỏ Nghị định số 46/2003/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thanh tra Nhà nước.

Điều 5. Trách nhiệm thi hành

Tổng Thanh tra, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ

Thủ tướng

Phan Văn Khải